

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/08/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tài Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đình Hưng.
2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 08 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị N, sinh năm: 1973(có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 1, thôn M, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Khối A, thị trấn S, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Như T, sinh năm: 1974(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 1, thôn M, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/06/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:*

Bà Võ Thị N và ông Trần Như T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì sau khi cưới nhau, vợ chồng vào miền Nam làm ăn và cũng không hiểu biết về pháp luật nên không đến UBND xã để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng bà N chung sống hạnh phúc và có hai con chung đến năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn, ông T bỏ bà N và sống chung cùng với người khác. Một mình bà N nuôi hai con còn nhỏ, ông T không quan tâm, chăm sóc gì đến bà và các con của bà N. Đến năm 2010, ông T quay về nài nỉ bà N cho ông T cơ hội quay lại để vợ chồng lo cho các con. Vì thương các con thiếu tình thương của cha nên bà N tha thứ nên vợ chồng đoàn tụ. Sau khi trở về chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 5 năm. Khoảng 3 năm trở lại đây thì ông T thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không lo làm ăn, một mình bà N lo bưng chải nuôi cả gia đình. Hiện nay ông T đã có tình cảm với người phụ nữ khác, bà N khuyên nhủ, tâm sự thì ông T đánh đập bà N. Từ tháng 2/2019 bà N về cha mẹ đẻ của bà N sinh sống, vợ chồng không còn quan hệ gì với nhau. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, bà Võ Thị N xin ly hôn với ông Trần Như T.

- Về con chung: Bà Võ Thị N và ông Trần Như T có 02 con chung:

+ Trần Vũ Như N1, sinh ngày: 02/7/1996;

+ Trần Vũ Như Q, sinh ngày: 11/11/2002.

Hiện nay Trần Vũ Như N1 đã thành niên, có công ăn việc làm và tự nuôi sống bản thân. Đối với con Trần Vũ Như Q, hiện nay đang sống cùng với bà N. Khi ly hôn bà N có nguyện vọng tiếp tục nuôi con Trần Vũ Như Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Như T trình bày:*

Ông T và bà N có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đi miền nam làm ăn và cũng không hiểu biết về pháp luật nên không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có hai con chung nhưng đến năm 2004 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không chung sống được với nhau nữa nên ông T đi vào miền nam làm ăn và ông T có kết hôn với một người phụ nữ khác. Đến năm 2010 thì ông T quay về chung sống với bà N. Trong cuộc sống vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã với nhau. Ông T có bạn bè thì bà N nghi ngờ ông T có quan hệ tình cảm với người khác rồi la lối. Từ tháng 2/2019 bà N về nhà cha mẹ đẻ của bà N sinh sống, vợ chồng không còn qua lại gì với nhau. Nay bà Võ Thị N xin ly hôn với ông Võ Như T, ông T đồng ý.

- Về con chung: Ông T và bà N có hai con chung;

+ Trần Vũ Như N1, sinh ngày: 02/7/1996;

+ Trần Vũ Như Q, sinh ngày: 11/11/2002.

Hiện nay Trần Vũ Như N1 đã thành niên. Đối với Trần Vũ Như Q, hiện nay đang sống cùng với bà N. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con Trần Vũ Như Q cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử: Nguyên đơn, bị đơn, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N.

Về con chung: Bà Võ Thị N và ông Trần Như T có hai con chung;

+ Trần Vũ Như N1, sinh ngày: 02/7/1996;

+ Trần Vũ Như Q, sinh ngày: 11/11/2002.

Hiện nay Trần Vũ Như N1 đã thành niên và có công việc tự nuôi sống bản thân. Đối với Trần Vũ Như Q có nguyện vọng sống cùng với bà N, bà N và ông T cũng thống nhất giao Trần Vũ Như Q cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con nên thống nhất về phần con chung.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn tự điều trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Trần Như T có hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại Đội 1, thôn M, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N và ông Trần Như T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 1995 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Bà N và ông T đều công nhận trong quá trình chung sống, xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chăm sóc chia sẻ với nhau trong đời sống vợ chồng, ông T có tình cảm và kết hôn với người phụ nữ khác một thời gian dài, nhưng sau đó ông T đã ly hôn và quay lại đoàn tụ với bà N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm nhưng gần đây ông T lại có tình cảm với người phụ nữ khác, bà N đã khuyên nhủ nhưng không được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay bà Võ Thị N xin ly hôn với ông Trần Như T.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị N giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết để bà được ly hôn với ông Trần Như T. Qua bản trình bày và qua các phiên hòa giải ông T cũng đồng ý ly hôn với bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy bà N và ông T chung sống như vợ chồng nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N. Tuyên bố không công nhận bà Võ Thị N và ông Trần Như T là vợ chồng. Về con chung và tài sản chung: Căn cứ vào các Điều 14; Điều 15; Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình để giải quyết.

[2.2] Về con chung: Bà Võ Thị N và ông Trần Như T có hai con chung tên Trần Vũ Như N1, sinh ngày: 02/7/1996 và Trần Vũ Như Q, sinh ngày: 11/11/2002. Trần Vũ Như N1 đã thành niên và có công việc tự nuôi sống bản thân nên bà N và ông T không yêu cầu giải quyết. Giao Trần Vũ Như Q, sinh năm: 02/7/1996 cho bà Võ Thị N nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Võ Thị N và ông Trần Như T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng: Khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị N phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 16 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N. Tuyên bố không công nhận bà Võ Thị N và ông Trần Như T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Võ Thị N và ông Trần Như T có hai con chung tên Trần Vũ Như N1, sinh ngày: 02/7/1996 và Trần Vũ Như Q, sinh ngày: 11/11/2002. Trần Vũ Như N1 đã thành niên và có công việc tự nuôi sống bản thân nên bà N và ông T không yêu cầu giải quyết. Giao Trần Vũ Như Q, sinh năm: 02/7/1996 cho bà Võ Thị N nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị N phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/001313 ngày 18/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa; tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THADS huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tài Tính